

HOSE

22/04/2014

VNINDEX 569.87 11.73 2.10%

 KLGD 99,105,330 CP
 GTGD 1,617.06 Tỷ
 GTR NDTNN 69.97 Tỷ

 CP Tăng giá 187 CP
 CP Giảm giá 51 CP
 CP Đứng giá 66 CP


HNX

22/4/2014

HNXINDEX 80.86 1.99 2.52%

 KLGD 65,117,985 CP
 GTGD 657.71 Tỷ
 GTR NDTNN 17.47 Tỷ

 CP Tăng giá 171 CP
 CP Giảm giá 61 CP
 CP Đứng giá 147 CP


VN30 & HNX30 INDEX

 VN30 630.88 17.21 2.80%
 HNX30 162.69 6.17 3.94%

Tâm điểm

► **Giao dịch tích cực trở lại, 2 sàn tăng điểm hơn 2%**

► **Thanh khoản thị trường giữ ở mức tương đương với phiên hôm qua**
 Tổng giá trị giao dịch đạt mức khoảng 2,200 tỷ đồng.

► **Hà Nội - CPI tháng 4 tăng nhẹ 0.12%**

So với cùng kỳ năm trước, CPI tháng 4 của Hà Nội tăng 6.27%

Thời báo Ngân hàng

► **VAMC dự kiến bắt đầu bán nợ xấu từ quý 3**

Tính đến nay, VAMC đã mua khoảng 45 nghìn tỷ đồng (2.1 tỷ USD)

DVO/Bloomberg

► **Kinh tế Nga có thể rơi vào suy thoái trong quý 2**

Được biết, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) suy giảm khoảng 0.5% trong quý trước đó

TTXVN

► **LAS: Lãi vay giảm mạnh, lợi nhuận quý 1 đạt 150 tỷ đồng**

Tăng 1.1 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

Công Lý

► **VOS: Quý 1/2014 tiếp tục lỗ 28 tỷ đồng**

Mặc dù doanh thu tăng nhẹ nhưng lợi nhuận âm

Người Đồng Hành

Thị trường / Ngành

Vốn hóa (tỷ)

P/E

P/B

ROE

ROA

Theo thị trường

Thị trường	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	983,484	13.4	3.1	23.0%	11.7%
HNX	126,527	17.3	1.6	9.0%	4.0%
Toàn bộ thị trường	1,110,011	14.1	3.0	22.2%	11.0%

Theo ngành

Ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Nhựa, cao su & sợi	7,228	6.3	0.9	15.6%	10.4%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	19,825	6.8	1.5	23.5%	17.1%
Thép và sản phẩm thép	33,813	18.3	1.9	17.2%	7.0%
Khai khoáng	12,181	52.3	5.0	2.4%	1.7%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	19,603	20.0	1.4	17.2%	9.3%
Xây dựng	29,918	60.9	1.1	2.0%	1.6%
Máy công nghiệp	8,260	7.1	1.3	19.3%	13.0%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,665	10.7	1.5	17.8%	13.1%
Lốp xe	6,523	7.9	2.1	29.0%	12.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	14,232	13.4	1.3	12.3%	6.1%
Thực phẩm	203,993	22.8	5.4	25.0%	18.8%
Dược phẩm	16,228	13.3	3.5	26.7%	17.3%
Phần mềm	18,194	11.2	2.4	23.7%	10.0%
Sản xuất & phân phối điện	21,730	7.0	1.2	18.6%	9.2%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	176,542	13.6	5.0	39.8%	25.1%
Bảo hiểm nhân thọ	26,266	23.1	2.2	9.4%	2.3%
Môi giới chứng khoán	24,056	18.9	1.3	7.9%	5.4%
Ngân hàng	247,644	11.0	1.3	11.6%	0.9%
Bất động sản	136,195	12.3	2.6	30.6%	6.6%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	34,524	8.9	1.9	21.7%	8.4%

Thống kê thị trường

► HOSE: Thống kê và nhận định thị trường

► HNX: Thống kê và nhận định thị trường

► Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Vui lòng tham khảo điều khoản sử dụng ở trang cuối

VietinBankSc © 2013

VietinBankSc

306 Ba Triệu

Hai Bà Trưng

Hanoi

Vietnam

Tel: (844) 3974 7952

Fax: (844) 3974 1760

www.vietinbanksc.com.vn

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

► Tin kinh tế

Hà Nội - CPI tháng 4 tăng nhẹ 0.12%

Theo Cục thống kê Hà Nội, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 4 trên địa bàn Thủ đô đã tăng nhẹ trở lại (tăng 0.12% so với tháng trước), sau khi giảm 0.15% trong tháng 3. So với cùng kỳ, CPI tháng 4 của Hà Nội tăng 6.27%. Trong rổ hàng hóa, dịch vụ cấu thành CPI chỉ có duy nhất nhóm hàng nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng giảm. Đây cũng là tháng thứ 3 liên tiếp nhóm hàng này giảm. Bên cạnh đó, có 1 nhóm không tăng trong khi có tới 9 nhóm hàng tăng giá. Trong đó tăng cao nhất là nhóm may mặc, mũ nón, giày dép (tăng 0.44%) do yếu tố mùa vụ khi thời tiết đã bắt đầu bước sang hè; kế đến là nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống (tăng 0.32%).

VAMC dự kiến bắt đầu bán nợ xấu từ quý 3

Trao đổi với Bloomberg qua điện thoại, Phó Chủ tịch thường trực Công ty Quản lý tài sản (VAMC) Nguyễn Quốc Hùng cho biết, đến nay, VAMC đã mua khoảng 45 nghìn tỷ đồng (2.1 tỷ USD) nợ xấu và có kế hoạch mua thêm khoảng 15 nghìn tỷ đồng từ nay tới cuối tháng 6. Công ty quản lý tài sản VAMC được thành lập tháng 7 năm ngoái để mua lại nợ xấu và giúp các ngân hàng cho vay trở lại. VAMC dự kiến bắt đầu bán nợ xấu của các ngân hàng trong quý 3, tăng cường nỗ lực cải tổ các ngân hàng và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Cũng theo ông Hùng, những người mua đầu tiên có thể là đối tác trong nước.

Kinh tế Nga có thể rơi vào suy thoái trong quý 2

Bộ Tài chính Nga nhận định dường như quý 2 so với quý trước đó sẽ tiếp tục tăng trưởng âm. Theo chiều hướng đó, không loại trừ khả năng nền kinh tế Nga sẽ suy thoái về mặt kỹ thuật. Ngày 21/4, một quan chức Bộ Tài chính Nga cho biết nền kinh tế nước này có thể rơi vào tình trạng suy thoái trong quý 2 năm nay sau khi Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) suy giảm khoảng 0,5% trong quý trước

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

► Tin doanh nghiệp

VOS: Quý 1/2014 tiếp tục lỗ 28 tỷ đồng

Trong quý 1/2014, doanh thu công ty mẹ của CTCP Vận tải biển Việt Nam (HOSE: VOS) nhích nhẹ 0.7% so cùng kỳ nhưng lợi nhuận lại âm 28 tỷ đồng. So với cùng kỳ 2013, quý 1/2014 KQKD của VOS có sự nhích nhẹ về doanh thu từ 502 tỷ lên 506 tỷ đồng, tăng 0.7%. Giá vốn chiếm 462 tỷ đồng nên lãi gộp ở mức 41.7 tỷ đồng, cùng kỳ âm 17.5 tỷ đồng. Kỳ này hoạt động tài chính âm 46 tỷ đồng, giảm nhẹ so với mức âm 53.5 tỷ của cùng kỳ 2013. Theo đó, sau khi trừ các loại chi phí, VOS lỗ thuần 29.8 tỷ đồng, nhưng nhờ lợi nhuận khác 1.6 tỷ đồng nên mức lỗ ròng giảm xuống còn 28 tỷ đồng, thấp hơn so với con số 96.7 tỷ đồng của cùng kỳ.

LAS: Lãi vay giảm mạnh, lợi nhuận quý 1 đạt 150 tỷ đồng

CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao (HNX: LAS) công bố báo cáo tài chính quý 1/2014. Theo LAS, kết quả tiêu thụ trong quý 1 năm nay có sự gia tăng về sản lượng, cụ thể là tăng 35.64 nghìn tấn, ứng với 7.7% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của xu hướng giảm giá chung của thị trường phân bón nên doanh thu của công ty giảm nhẹ, đạt 1,825 tỷ. Trong hoạt động tài chính, công ty ghi nhận 4 tỷ đồng doanh thu, tăng 140% so với con số 1.7 tỷ đồng ở cùng kỳ năm trước. Cùng với đó, chi phí tài chính cũng giảm còn phân nửa nhờ lãi vay giảm mạnh xuống 6.9 tỷ đồng (quý 1 năm trước 17 tỷ đồng). Sau khi trừ đi các chi phí cần thiết, lãi ròng của công ty đạt 150.3 tỷ đồng, tăng 1.1 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

CTS: Doanh thu môi giới tăng mạnh, quý 1/2014 lãi 17.7 tỷ đồng

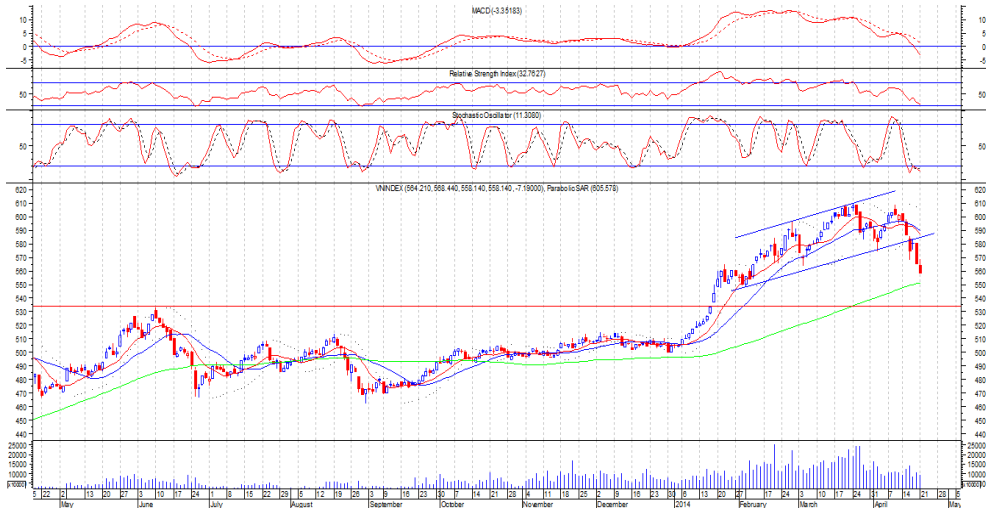
CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (HNX: CTS) đã công bố BCTC quý 1/2014, với doanh thu đạt 40.12 tỷ đồng, tăng nhẹ 5.3% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu môi giới quý 1/2014 của CTS đạt 13.35 tỷ đồng, tăng mạnh 89.87% so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, doanh thu tự doanh của công ty cũng tăng 7.7% và đạt 15.44 tỷ đồng. Ngoài ra, kỳ này, hoạt động đại lý phát hành chứng khoán đem về cho CTS 1.4 tỷ đồng doanh thu, trong khi cùng kỳ công ty không có khoản doanh thu này. Trong khi đó, doanh thu tư vấn và doanh thu khác quý 1/2014 của CTS giảm lần lượt 37.8% và 38.8%. Sau khi trừ đi các khoản chi phí, CTS đạt 17.75 tỷ đồng LNST, tăng 40.3% so với quý 1/2013

HOSE 22/04/2014 VNINDEX 569.87 11.73 2.10% 99,105,330 CP 1,617.06 bil VND

Giao dịch tích cực trở lại, 2 sàn tăng điểm hơn 2%

VN-Index tăng 11.73 điểm (+2.1%), đóng cửa tại mức 569.87 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, thân nến dài, tăng điểm mạnh, đóng cửa ở mức cao nhất trong phiên.

- MACD tiếp tục lao dốc mạnh, điều này cho thấy tin hiệu ngắn hạn của thị trường đang rất rủi ro.
- Stochastic Oscillator dừng đà giảm nhưng vẫn tiếp tục nằm trong vùng quá bán.
- RSI tăng mạnh lên mức 41.
- DI+, DI- tiếp tục mở rộng.



HOSE Top 5 theo KLGD

ITA	0.5 (6.0%)	7,118,660
FLC	0.5 (4.1%)	6,969,040
HQC	0.4 (5.7%)	3,732,600
SSI	1.7 (6.6%)	3,549,090
HAG	1.3 (5.1%)	2,872,730

HOSE Top 5 theo % tăng

BHS	0.8 (6.9%)	50,140
DLG	0.6 (6.9%)	1,531,920
PTC	0.4 (6.9%)	63,600
SVC	1 (6.9%)	166,130
IDI	0.8 (6.8%)	628,270

HOSE Top 5 theo % giảm

VFG	-3.1 (-6.9%)	700
EMC	-0.4 (-6.7%)	880
PDN	-2.8 (-6.7%)	21,920
CNT	-0.2 (-6.1%)	7,920
CYC	-0.4 (-5.7%)	3,160

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

KDC	11,4 tỷ	212,610
HAG	9,5 tỷ	365,920
HSG	7,2 tỷ	147,000
VIC	6,4 tỷ	99,110
VCB	6,1 tỷ	211,230

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

TTP	-4,5 tỷ	145,000
PVD	-3,0 tỷ	37,320
DPM	-2,7 tỷ	75,780
ITA	-1,6 tỷ	194,240
BMI	-1,6 tỷ	110,900

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	2,189,930	69.97

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT giao dịch tích cực trở lại khi lực cung bắt đầu giảm dần. Mặt bằng giá hiện tại được cho là khá hấp dẫn với nhà đầu tư. VN-Index đóng cửa tăng mạnh.
- ▶ KLGD sụt giảm và đạt 84 triệu đơn vị, nhưng vẫn thấp hơn khá nhiều so với bình quân 20 phiên. Lực cung giảm đáng kể ở phiên hôm nay.
- ▶ Khối ngoại mua ròng 69 tỷ trong phiên hôm nay. Nhịp mua ròng tạo đôi chút niềm tin cho thị trường trong bối cảnh VN-Index giảm điểm mạnh.
- ▶ Vùng hỗ trợ 550 - 560 tỏ rõ sự nâng đỡ khá tốt cho thị trường. VN-Index nhiều khả năng sẽ hồi phục trở lại khoảng 5 - 7% ở nhịp hồi phục này.
- ▶ NĐT mạo hiểm có thể xem xét mua tích lũy nhóm cổ phiếu cơ bản tốt và KQKD Quý 1 tốt. Tránh các hành động mua đuổi giá khi TK chưa thực sự bứt phá.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	91.0	172,445.00	13.9	5.1	40.6%	25.7%
VNM	833.4	140.0	116,681.64	17.7	6.6	39.6%	30.7%
MSN	734.9	92.5	67,979.30	140.2	4.6	3.2%	1.1%
VCB	2,317.4	29.0	67,205.10	15.2	1.6	10.4%	1.0%
VIC	908.8	66.0	59,978.33	8.7	4.1	54.2%	10.3%
CTG	3,723.4	16.0	59,574.47	8.6	1.1	13.2%	1.1%
BID	2,811.2	15.8	44,417.00	10.0	1.4	13.8%	0.8%
BVH	680.5	39.0	26,538.39	23.1	2.2	9.4%	2.3%
HPG	419.1	55.5	23,257.42	11.2	2.3	22.2%	9.3%
PVD	275.3	83.0	22,846.42	10.7	2.2	22.4%	9.3%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	232.6	14.4	3,349.44	13.4	1.1	NA	TH.DOI
FPT	275.1	67.0	18,433.00	11.1	2.5	NA	TH.DOI
CII	112.9	26.3	2,968.26	19.6	1.8	NA	TH.DOI
BMP	45.5	77.0	3,501.84	9.3	2.3	NA	TH.DOI
NHS	60.8	10.8	656.10	4.4	0.8	NA	TH.DOI
FDC	27.6	20.1	554.96	2.0	0.8	NA	TH.DOI

HNX 22/04/2014 HNX-Index 80.86 1.99 2.52% 65,117,985 CP 657.71 bil. VND

Giao dịch tích cực trở lại, 2 sàn tăng điểm hơn 2%

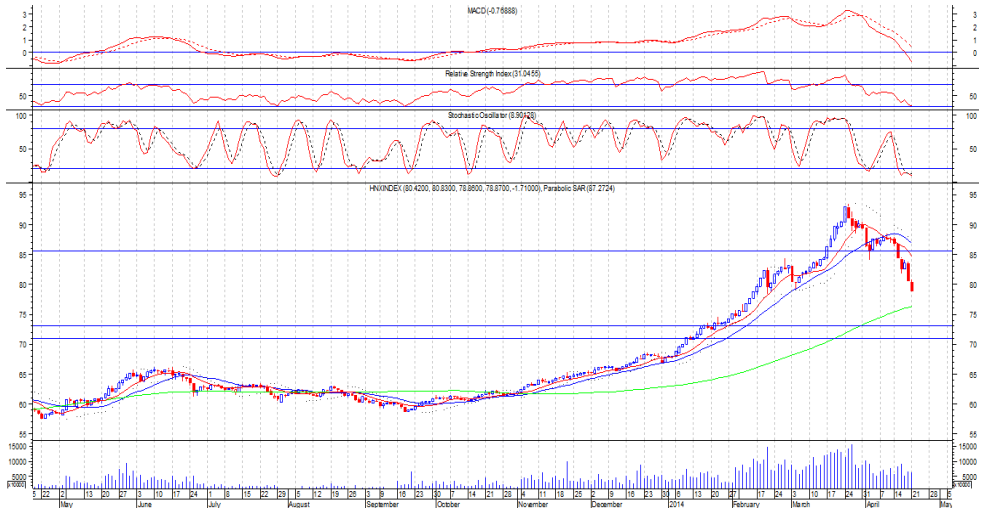
Chỉ số HNX-Index tăng 1.99 điểm (+2.52%), đóng cửa tại mốc 80.86 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh, thân nến dài, tăng điểm tích cực trở lại và đóng cửa ở mức cao nhất trong phiên.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator cho tín hiệu mua trở lại nhưng vẫn nằm trong vùng quá bán.

- MACD tiếp tục lao dốc, điều này cho thấy xu hướng thị trường trong ngắn hạn đang rất rủi ro.

- RSI (14) gia tăng trở lại và đạt mức 38.

- DI+ tiếp tục nới rộng khoảng cách với DI-.



HNX Top 5 theo KLGD

PVX	0.4 (8.9%)	10,023,240
SHB	0.5 (5.3%)	7,788,550
KLS	1 (8.7%)	5,279,910
SCR	0.8 (9.3%)	3,678,610
VND	1.1 (7.2%)	3,297,150

HNX Top 5 theo % tăng

APS	0.6 (10.0%)	1,101,210
HCC	0.9 (10.0%)	100
ITQ	0.8 (10.0%)	179,900
KSD	0.4 (10.0%)	131,500
CX8	0.5 (9.8%)	3,000

HNX Top 5 theo % giảm

SDG	-2.4 (-10.0%)	100
SJM	-0.2 (-10.0%)	61,500
VTC	-0.5 (-10.0%)	900
LDP	-5.1 (-9.9%)	400
SKS	-1 (-9.8%)	2,600

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PVS	9,4 tỷ	372,800
PGS	2,8 tỷ	98,400
IVS	1,6 tỷ	173,500
VCG	1,5 tỷ	105,600
DBC	1,1 tỷ	50,000

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

VNR	-0,8 tỷ	30,600
SHB	-0,8 tỷ	88,400
NET	-0,2 tỷ	3,700
DLR	-0,2 tỷ	23,500
VND	-0,2 tỷ	10,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	1,108,780	17.47

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT giao dịch tích cực trở lại khi lực cung bắt đầu giảm dần. Mặt bằng giá hiện tại được cho là khá hấp dẫn với nhà đầu tư. HNX-Index đóng cửa tăng mạnh.
- ▶ KLGD ở mức tương đương với phiên hôm qua và đạt 63 triệu đơn vị, nhưng vẫn thấp hơn khá nhiều so với bình quân 20 phiên.
- ▶ Khối ngoại mua ròng 17 tỷ trong phiên hôm nay. Nhịp mua ròng tạo đôi chút niềm tin cho thị trường trong bối cảnh HNX-Index giảm điểm mạnh.
- ▶ Vùng hỗ trợ 74 - 76 tỏ rõ sự nâng đỡ khá tốt cho thị trường. HNX-Index nhiều khả năng sẽ hồi phục trở lại khoảng 5 - 7% ở nhịp hồi phục này.
- ▶ NĐT mạo hiểm có thể xem xét mua tích lũy nhóm cổ phiếu cơ bản tốt và KQKD Quý 1 tốt. Tránh các hành động mua đuổi giá khi TK chưa thực sự bứt phá.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	921.5	16.7	15,389.31	18.7	1.2	6.6%	0.5%
PVS	446.7	26.0	11,614.21	6.6	1.3	21.6%	7.0%
SHB	886.1	10.0	8,860.83	9.9	0.8	8.6%	0.7%
SQC	110.0	78.2	8,602.00	313.7	6.5	-2.0%	-1.7%
VCG	441.7	14.8	6,537.32	12.5	1.1	9.1%	1.9%
OCH	200.0	25.3	5,060.00	29.0	2.3	7.6%	3.4%
PVI	225.4	19.6	4,418.12	13.6	0.8	5.4%	2.9%
NTP	43.3	72.3	3,133.34	10.9	2.6	24.8%	16.7%
LAS	77.8	39.5	3,074.36	6.9	2.2	34.3%	16.1%
VNR	100.8	28.0	2,823.17	9.7	1.2	12.7%	6.9%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	29.8	1,132.40	5.9	1.2	NA	TH.DOI
AAA	19.8	20.0	396.00	7.0	0.7	NA	TH.DOI
VND	96.9	16.4	1,589.76	10.6	1.2	NA	TH.DOI
NTP	43.3	72.3	3,133.34	10.9	2.6	NA	TH.DOI
PVC	50.0	15.7	785.00	9.7	0.9	NA	TH.DOI
DXP	7.9	48.0	378.00	7.2	1.7	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	67,979.30	15.35%	92.5	140.20	4.58	194,953	218,460	414,929
VIC	HOSE	908.8	59,978.33	14.46%	66.0	8.71	4.14	770,817	588,675	450,507
HPG	HOSE	419.1	23,257.42	11.74%	55.5	11.15	2.29	766,172	975,746	829,699
PVD	HOSE	275.3	22,846.42	8.68%	83.0	10.74	2.24	473,251	516,680	496,556
DPM	HOSE	379.9	13,487.67	8.01%	35.5	6.18	1.42	3,330,815	2,139,988	1,315,019
HAG	HOSE	718.2	19,246.55	7.98%	26.8	19.82	1.42	3,338,852	3,807,520	4,869,719
VCB	HOSE	2,317.4	67,205.10	6.11%	29.0	15.16	1.56	749,967	907,064	1,052,372
STB	HOSE	1,142.5	22,278.98	4.13%	19.5	9.76	1.41	432,170	751,843	1,063,910
BVH	HOSE	680.5	26,538.39	3.08%	39.0	23.09	2.17	350,707	462,922	592,191
ITA	HOSE	718.1	6,319.06	2.71%	8.8	59.59	0.72	8,590,513	11,806,464	11,020,319
HSG	HOSE	96.3	4,911.97	2.68%	51.0	8.37	2.11	185,809	240,465	325,950
GMD	HOSE	114.4	3,261.02	2.26%	28.5	16.20	0.70	194,139	264,956	465,430
PPC	HOSE	318.2	6,776.69	2.03%	21.3	3.94	1.22	654,167	837,395	1,177,198
VSH	HOSE	206.2	3,382.36	1.74%	16.4	16.56	1.27	592,517	922,976	1,120,309
CSM	HOSE	67.3	2,684.95	1.64%	39.9	6.94	1.98	489,924	606,860	772,144
KBC	HOSE	289.8	3,332.25	1.48%	11.5	43.56	0.80	1,145,706	1,377,391	1,594,671
DRC	HOSE	83.1	3,563.87	1.33%	42.9	8.96	2.34	386,260	420,687	462,745
PVT	HOSE	232.6	3,349.44	1.18%	14.4	13.41	1.14	1,040,701	1,320,340	2,502,255
DIG	HOSE	143.0	2,459.52	1.01%	17.2	43.34	0.99	604,449	841,310	959,168
OGC	HOSE	300.0	3,420.00	0.91%	11.4	57.96	1.00	2,773,226	3,748,026	3,476,250
PET	HOSE	69.8	1,243.19	0.87%	17.8	7.67	0.99	656,637	839,491	957,290

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
PVS	HNX	446.7	11,614.21	5.37%	26.0	6.64	1.33	2,753,935	3,368,695	3,056,030
VIC	HOSE	908.8	59,978.33	8.00%	66.0	8.71	4.14	770,817	588,675	450,507
VCB	HOSE	2,317.4	67,205.10	7.00%	29.0	15.16	1.56	749,967	907,064	1,052,372
BVH	HOSE	680.5	26,538.39	6.50%	39.0	23.09	2.17	350,707	462,922	592,191
DPM	HOSE	379.9	13,487.67	5.79%	35.5	6.18	1.42	3,330,815	2,139,988	1,315,019
STB	HOSE	1,142.5	22,278.98	4.26%	19.5	9.76	1.41	432,170	751,843	1,063,910
PVD	HOSE	275.3	22,846.42	3.22%	83.0	10.74	2.24	473,251	516,680	496,556
ITA	HOSE	718.1	6,319.06	3.73%	8.8	59.59	0.72	8,590,513	11,806,464	11,020,319
SHB	HNX	886.1	8,860.83	2.86%	10.0	9.91	0.81	8,122,993	9,239,306	10,447,161
PPC	HOSE	318.2	6,776.69	1.58%	21.3	3.94	1.22	654,167	837,395	1,177,198
OGC	HOSE	300.0	3,420.00	2.33%	11.4	57.96	1.00	2,773,226	3,748,026	3,476,250
GMD	HOSE	114.4	3,261.02	1.62%	28.5	16.20	0.70	194,139	264,956	465,430
MSN	HOSE	734.9	67,979.30	8.00%	92.5	140.20	4.58	194,953	218,460	414,929
HAG	HOSE	718.2	19,246.55	2.83%	26.8	19.82	1.42	3,338,852	3,807,520	4,869,719
DRC	HOSE	83.1	3,563.87	1.28%	42.9	8.96	2.34	386,260	420,687	462,745
VCG	HNX	441.7	6,537.32	3.58%	14.8	12.47	1.10	2,085,749	2,612,634	4,048,146
PVT	HOSE	232.6	3,349.44	2.05%	14.4	13.41	1.14	1,040,701	1,320,340	2,502,255

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	908.8	59,978.33	0.00%	66.0	8.71	4.14	770,817	588,675	450,507
MSN	HOSE	734.9	67,979.30	0.00%	92.5	140.20	4.58	194,953	218,460	414,929
DPM	HOSE	379.9	13,487.67	0.00%	35.5	6.18	1.42	3,330,815	2,139,988	1,315,019
HAG	HOSE	718.2	19,246.55	0.00%	26.8	19.82	1.42	3,338,852	3,807,520	4,869,719
VCB	HOSE	2,317.4	67,205.10	0.00%	29.0	15.16	1.56	749,967	907,064	1,052,372
STB	HOSE	1,142.5	22,278.98	0.00%	19.5	9.76	1.41	432,170	751,843	1,063,910
BVH	HOSE	680.5	26,538.39	0.00%	39.0	23.09	2.17	350,707	462,922	592,191
CTG	HOSE	3,723.4	59,574.47	0.00%	16.0	8.58	1.07	889,064	1,054,779	1,236,216
GAS	HOSE	1,895.0	172,445.00	0.00%	91.0	13.88	5.11	564,011	430,341	441,464

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Royal Bank of Scotland
MSCI Frontier Markets Index

Ngày lập quỹ
Ngày lập chỉ số

19/09/2011
30/11/2007

SLCKVN
TGTTSQL

9/142
22.25 mil.

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	67,979.30	0.81%	92.5	140.20	4.58	194,953	218,460	414,929
VIC	HOSE	908.8	59,978.33	0.55%	66.0	8.71	4.14	770,817	588,675	450,507
DPM	HOSE	379.9	13,487.67	0.26%	35.5	6.18	1.42	3,330,815	2,139,988	1,315,019
VCB	HOSE	2,317.4	67,205.10	0.20%	29.0	15.16	1.56	749,967	907,064	1,052,372
STB	HOSE	1,142.5	22,278.98	0.14%	19.5	9.76	1.41	432,170	751,843	1,063,910
BVH	HOSE	680.5	26,538.39	0.10%	39.0	23.09	2.17	350,707	462,922	592,191

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

iShares
MSCI Frontier 100 Index

Ngày lập quỹ
Ngày lập chỉ số

12/09/2012
30/11/2007

SLCKVN
TGTTSQL

6/102
519.45 mil.

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

iShares
MSCI VN Investable Market Indx

Ngày lập quỹ
Ngày lập chỉ số

01/12/2010

SLCKVN
TGTTSQL

4,752.96 mil.

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,228	6.3	0.9	15.6%	10.4%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	19,825	6.8	1.5	23.5%	17.1%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,754	28.8	0.7	2.0%	1.5%
Sản xuất giấy	783	8.6	0.8	10.5%	5.4%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	33,813	18.3	1.9	17.2%	7.0%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,924	4.6	0.9	18.9%	4.0%
Khai khoáng	12,181	52.3	5.0	2.4%	1.7%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	19,603	20.0	1.4	17.2%	9.3%
Xây dựng	29,918	60.9	1.1	2.0%	1.6%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,401	8.1	1.2	17.5%	9.5%
Công nghiệp phức hợp	363	3.9	0.8	20.3%	14.6%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,597	10.7	0.9	7.8%	3.9%
Thiết bị điện	1,661	15.4	0.7	-0.8%	-1.3%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	41	20.8	0.5	2.7%	1.8%
Máy công nghiệp	8,260	7.1	1.3	19.3%	13.0%
Vận tải					
Vận tải thủy	7,522	2.5	0.9	4.7%	1.3%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,665	10.7	1.5	17.8%	13.1%
Dịch vụ vận tải	5,080	8.2	1.4	17.2%	10.4%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	2,180	10.5	1.4	11.7%	2.8%
Đào tạo & Việc làm	222	32.6	0.6	3.3%	1.6%
Nhà cung cấp thiết bị	185	8.0	0.8	11.2%	4.8%
Chất thải & Môi trường	141	2.1	0.6	34.5%	16.9%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,027	24.4	1.6	12.4%	7.0%
Lốp xe	6,523	7.9	2.1	29.0%	12.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,448	7.5	1.2	15.4%	9.2%
Vang & Rượu mạnh	256	11.2	1.8	18.4%	13.5%
Đồ uống & giải khát	249	6.8	1.2	15.1%	10.1%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	14,232	13.4	1.3	12.3%	6.1%
Thực phẩm	203,993	22.8	5.4	25.0%	18.8%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	48	38.2	0.6	1.6%	1.2%
Thiết bị gia dụng	2,173	7.7	1.1	14.1%	6.4%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	151	3.8	1.3	30.7%	21.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,014	8.4	1.5	17.5%	7.0%
Giày dép	10	1.4	0.6	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	5,023	9.2	1.7	16.9%	9.2%
Thuốc lá					
Thuốc lá	689	4.1	1.0	-7.0%	2.9%

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	824	19.0	0.9	5.1%	2.8%
Dụng cụ y tế	136	3.2	1.4	32.6%	12.6%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	156	10.0	1.0	10.0%	6.6%
Dược phẩm	16,228	13.3	3.5	26.7%	17.3%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	418	56.6	1.3	2.3%	0.7%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	684	12.5	1.1	12.1%	8.0%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,246	8.3	1.5	19.9%	3.4%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,061	8.6	1.0	12.4%	8.3%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	159	7.0	3.0	52.7%	27.1%
Khách sạn	5,784	29.9	2.3	7.2%	3.5%
Dịch vụ giải trí	2,096	21.4	1.5	13.7%	11.2%
Vận tải hành khách & Du lịch	1,216	28.1	2.1	15.8%	14.1%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	51	11.9	0.4	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	542	17.3	0.7	3.7%	1.3%
Internet	281	59.3	0.7	1.1%	0.2%
Phần mềm	18,194	11.2	2.4	23.7%	10.0%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	406	13.9	0.7	4.2%	1.6%
Thiết bị văn phòng	265	5.4	1.0	20.1%	14.9%
Thiết bị viễn thông	2,030	12.6	0.7	5.3%	4.0%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	21,730	7.0	1.2	18.6%	9.2%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	176,542	13.6	5.0	39.8%	25.1%
Nước	1,197	6.3	1.0	17.3%	11.6%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,220	10.1	0.8	8.1%	3.1%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,683	11.8	0.7	6.2%	3.2%
Tái bảo hiểm	2,904	9.7	1.2	12.7%	6.9%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	26,266	23.1	2.2	9.4%	2.3%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,210	58.0	1.0	1.7%	0.5%
Môi giới chứng khoán	24,056	18.9	1.3	7.9%	5.4%
Ngân hàng					
Ngân hàng	247,644	11.0	1.3	11.6%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	136,195	12.3	2.6	30.6%	6.6%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	4	162.4	0.4	0.2%	0.1%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	34,524	8.9	1.9	21.7%	8.4%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.